

Số: 7 1 9 /BCT-ĐCK

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

V/v thông báo kế hoạch xét tài trợ; hướng dẫn đề xuất đặt hàng, và xây dựng chương trình KH-CN & ĐMST phục vụ quản lý nhà nước và phát triển ngành Công Thương

Kính gửi:

- Các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty ngành Công Thương;
- Các Tổ chức khoa học và công nghệ, trường đại học, cao đẳng, hiệp hội, hội trong ngành Công Thương.

Triển khai thực hiện Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các Nghị định của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Bộ Công Thương thông báo Kế hoạch xét tài trợ, xây dựng Kế hoạch đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ trong Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) bổ sung năm 2026 và thực hiện giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

A. PHẠM VI THÔNG BÁO, HƯỚNG DẪN

- Phạm vi thông báo, hướng dẫn gồm: (1) Thông báo kế hoạch xét tài trợ nhiệm vụ KH-CN & ĐMST; (2) Hướng dẫn đề xuất nhiệm vụ KH-CN & ĐMST theo hình thức đặt hàng (3) Đề xuất chương trình, nhiệm vụ KH-CN và ĐMST cấp Bộ, cấp Quốc gia, cấp Quốc gia đặc biệt và cấp Quốc gia chiến lược theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP (gọi tắt là Chương trình KH-CN & ĐMST).

- Thời gian dự kiến thực hiện nhiệm vụ và chương trình: năm 2026 và giai đoạn 2026 – 2030.

B. NỘI DUNG THÔNG BÁO, HƯỚNG DẪN

I. Nguyên tắc, định hướng trong xây dựng Kế hoạch KH, CN & ĐMST

1. Nguyên tắc

Các nhiệm vụ KH, CN & ĐMST và các Chương trình KH, CN & ĐMST phải đảm bảo nguyên tắc tập trung, trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giao cho Bộ Công Thương trong các Nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước, văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến quản lý nhà nước và phát triển ngành Công Thương. Ưu tiên những đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ và chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chi tiết các nguyên tắc được nêu tại Phụ lục 1 kèm theo công văn này.

2. Định hướng chung

Các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu thực tiễn quản lý ngành, lĩnh vực, chủ động nghiên cứu, xây dựng chương trình, nhiệm vụ

KH,CN&ĐMST bổ sung năm 2026 và thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo ưu tiên nêu tại Phụ lục 2 kèm theo công văn này.

Quy định lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

II. Về xây dựng nhiệm vụ KH,CN&ĐMST

1. Đối với đề xuất nhiệm vụ KH,CN&ĐMST đặt hàng

1.1. Yêu cầu

Nhiệm vụ KH,CN&ĐMST đặt hàng phải đảm bảo có cam kết tiếp nhận, phương án tổ chức quản lý, sử dụng kết quả từ cơ quan đặt hàng (chi tiết tại điểm b, khoản 3, Điều 10 Nghị định 267/2025/NĐ-CP).

1.2. Định hướng ưu tiên

Các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu thực tiễn quản lý ngành, lĩnh vực, chủ động nghiên cứu, xây dựng nhiệm vụ KH,CN&ĐMST thuộc phạm vi quản lý để đề xuất đặt hàng, trong đó ưu tiên tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Triển khai nhiệm vụ được giao của Bộ Công Thương thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; các Nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước, nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao liên quan đến quản lý và phát triển ngành Công Thương; thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác của ngành Công Thương.

- Thực hiện yêu cầu xây dựng, hoàn thiện quy định, thể chế, chính sách phục vụ quản lý nhà nước của ngành Công Thương.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống Tiêu chuẩn quốc gia, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ yêu cầu quản lý chất lượng thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương.

- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Bộ giao cần triển khai các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST để thực hiện.

1.3. Nội dung và biểu mẫu đề xuất

Đối với xuất nhiệm vụ KH,CN&ĐMST đặt hàng, ngoài thông tin chung của đơn vị, các nội dung đề xuất bao gồm: (1) tên nhiệm vụ; (2) tính cấp thiết; (3) mục tiêu; (4) dự kiến kết quả và hiệu quả, (5) tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ; (6) dự kiến kinh phí thực hiện; (7) đề xuất tổ chức được xét giao trực tiếp (nếu có)¹; (8) cam kết tiếp nhận, phương án tổ chức quản lý, sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ quan đề xuất đặt hàng; trong đó nêu rõ việc Nhà nước sẽ nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả trong trường hợp cơ quan nhà nước có yêu cầu tiếp nhận kết quả; (9) Dự kiến thời gian thực hiện.

Chi tiết tại Biểu mẫu BM-01 kèm theo công văn này.

¹ Các trường hợp xét giao trực tiếp đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 16, Luật KH, CN và ĐMST.

2. Đối với nhiệm vụ nhiệm vụ KH,CN&ĐSMST đề xuất tài trợ

2.1. Các biểu mẫu đề xuất nhiệm vụ KH,CN&ĐSMST tài trợ

- a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn tại Biểu mẫu BM-02.
- b) Thuyết minh nhiệm vụ hướng dẫn tại Biểu mẫu BM-03.
- c) Thuyết minh chuỗi nhiệm vụ hướng dẫn tại Biểu mẫu BM-04.
- d) Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn tại Biểu mẫu BM-05.

2.2. Mức bảo đảm của ngân sách nhà nước để xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ

Quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

III. Về xây dựng nhiệm vụ KH,CN&ĐSMST đặc biệt; nhiệm vụ KH,CN&ĐSMST phát triển công nghệ chiến lược

1. Tiêu chí xác định nhiệm vụ KH,CN&ĐSMST đặc biệt

Đáp ứng một hoặc một số tiêu chí sau:

a) Có quy mô lớn, có tính chiến lược và có tầm ảnh hưởng đặc biệt quan trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; tạo ra đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc gia.

b) Tổng kết lý luận và thực tiễn nhằm cung cấp luận cứ khoa học, luận giải các nhận thức lý luận mới về đường lối đổi mới phục vụ trực tiếp xây dựng Cương lĩnh phát triển đất nước, văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc và các văn kiện quan trọng khác.

c) Đề xuất, phát triển được tư tưởng mới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường; cung cấp, luận giải chủ trương lớn và quan điểm về đường lối phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, có khả năng tác động thay đổi phương thức quản lý của một lĩnh vực sản xuất hoặc của một ngành sản xuất; thay đổi phương thức sản xuất quy mô của một địa phương, vùng, tỉnh, quốc gia.

d) Giải quyết những vấn đề có tác động trực tiếp đến quốc phòng, an ninh quốc gia; bảo vệ chủ quyền quốc gia.

đ) Phục vụ phát triển công nghệ chiến lược sản phẩm công nghệ chiến lược; giải quyết những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến lợi ích quốc gia.

e) Tạo ra tác động mạnh mẽ đến nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh quốc gia, trong đó ưu tiên phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực ưu tiên.

2. Tiêu chí xác định nhiệm vụ KH,CN&ĐSMST chiến lược

a) Nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược trong chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược phải được gắn kết chặt chẽ để thực hiện hoạt động nghiên cứu làm chủ, phát triển công nghệ, sản phẩm.

b) Nhiệm vụ thuộc chương trình được dự toán kinh phí dự phòng cho nội dung chế tạo, thử nghiệm sản phẩm, gồm: kinh phí dự phòng được lập, thẩm định và phê duyệt trong dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi cho thay đổi, phát sinh về nội dung, khối lượng công việc, trượt giá của vật tư, nhân công trong thời gian thực hiện nhiệm vụ.

3. Các biểu mẫu đề xuất nhiệm vụ

a) Dự thảo nhiệm vụ hướng dẫn tại Biểu mẫu BM-06.

b) Thuyết minh nhiệm vụ hướng dẫn tại Biểu mẫu BM-07.

IV. Về xây dựng nhiệm vụ, chương trình đổi mới sáng tạo theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP

1. Khái niệm

Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo là hình thức tổ chức công việc để tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có.

2. Phân loại nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo nội dung

a) Nhiệm vụ đổi mới công nghệ;

b) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng;

c) Nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;

d) Nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay;

đ) Nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher).

3. Tiêu chí lựa chọn nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chung sau đây:

a) Tính khả thi về mục tiêu, nội dung, phương pháp, kế hoạch tổ chức thực hiện, thời gian và tổng mức kinh phí;

b) Hồ sơ đề xuất đầy đủ, rõ ràng, xác định cụ thể mục tiêu, nội dung, phương án triển khai, kết quả đầu ra dự kiến, kế hoạch tài chính và cơ cấu nguồn vốn (bao gồm vốn đối ứng, nếu có);

c) Khả năng ứng dụng trực tiếp và tác động, tạo hiệu quả kinh tế hoặc giải quyết vấn đề xã hội, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;

d) Phù hợp với yêu cầu nêu trong thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn, môi trường và pháp luật có liên quan;

e) Tổ chức đề xuất phải có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, tài chính và phương án tổ chức thực hiện khả thi;

g) Nội dung phù hợp với một trong các loại nhiệm vụ quy định tại phân loại nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo nội dung (mục 2.IV).

4. Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Quy định tại Điều 11 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

V. Về xây dựng chương trình KH, CN & ĐMST

Chương trình KH, CN và ĐMST bao gồm: (1) Chương trình KH, CN & ĐMST quốc gia (Điều 17, Luật KH, CN và ĐSMT); (2) Chương trình KH, CN & ĐMST quốc gia đặc biệt (Điều 18, Luật KH, CN và ĐSMT) và (3) Chương trình KH, CN và ĐMST cấp bộ (Điều 23, Nghị định 267/2025/NĐ-CP).

Căn cứ nhiệm vụ được giao, yêu cầu phát triển KH, CN và ĐMST trong các ngành, lĩnh vực; đồng thời, căn cứ quy định tại Luật KH, CN và ĐMST, các đơn vị xây dựng Chương trình KH, CN và ĐSMT. Cụ thể như sau:

1. Về yêu cầu, tiêu chí, hồ sơ đề xuất Chương trình KH, CN và ĐMST cấp quốc gia

a) *Chương trình KH, CN và ĐSMT quốc gia là tập hợp các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có mục tiêu chung để giải quyết các vấn đề có tính liên ngành, liên vùng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trung hạn hoặc dài hạn (khoản 1, Điều 17 Luật KH, CN và ĐSMT)*

b) *Về yêu cầu: việc xây dựng chương trình KH, CN và ĐSMT quốc gia phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:*

- Phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong từng giai đoạn cụ thể.
- Tập trung, trọng điểm, không trùng lặp giữa các chương trình.
- Dự kiến được tổng mức kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện.
- Có tính mới, mục tiêu cụ thể, định lượng được kết quả đầu ra và hiệu quả đầu tư; bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá.

c) *Về hồ sơ đề xuất Chương trình:*

- Dự thảo chương trình (gồm các nội dung chủ yếu sau: Tên, mục tiêu, nội dung chương trình; Nội dung, yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá; Cơ quan chủ trì quản lý chương trình; Thời gian thực hiện chương trình; Dự kiến tổng kinh phí thực hiện, cơ cấu nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn đối ứng, xã hội hóa); Hợp tác quốc tế (nếu có); Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của chương trình).

- Bản thuyết minh chương trình bao gồm các nội dung chủ yếu sau: tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, chỉ tiêu đánh giá; tính khả thi; tính mới; khả năng thương mại hóa và tác động của chương trình.

- Tài liệu khác (nếu có).

Mẫu Dự thảo Chương trình (Biểu mẫu BM-08) và Mẫu Thuyết minh Chương trình (Biểu mẫu BM-09) tại Phụ lục kèm theo.

2. Về yêu cầu, tiêu chí, hồ sơ đề xuất Chương trình KH, CN và ĐMST cấp quốc gia đặc biệt

a) *Chương trình KH, CN và ĐMST quốc gia đặc biệt là chương trình có quy mô lớn do Thủ tướng Chính phủ quyết định nhằm thực hiện một trong các mục tiêu sau đây (Khoản 1, Điều 18, Luật KH, CN và ĐSMT):*

- Phục vụ phát triển công nghệ chiến lược.
- Phục vụ nghiên cứu chiến lược, chính sách mang lại giá trị to lớn trong khoa học lý luận chính trị, xã hội và nhân văn.
- Phục vụ dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia.
- Tạo tác động mạnh đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa trong nước.
- Phục vụ quốc phòng, an ninh.

b) Tiêu chí xác định Chương trình đáp ứng một trong các tiêu chí sau: (Điều 25, Nghị định 265/2025/NĐ-CP)

- Có quy mô lớn, có tính chiến lược và có tầm ảnh hưởng đặc biệt quan trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; tạo ra đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Tổng kết lý luận và thực tiễn nhằm cung cấp luận cứ khoa học, luận giải các nhận thức lý luận mới về đường lối đổi mới phục vụ trực tiếp xây dựng Cương lĩnh phát triển đất nước, văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc và các văn kiện quan trọng khác.

- Đề xuất, phát triển được tư tưởng mới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường; cung cấp, luận giải chủ trương lớn và quan điểm về đường lối phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, có khả năng tác động thay đổi phương thức quản lý của một lĩnh vực sản xuất hoặc của một ngành sản xuất; thay đổi phương thức sản xuất quy mô của một địa phương, vùng, tỉnh, quốc gia.

- Giải quyết những vấn đề có tác động trực tiếp đến quốc phòng, an ninh quốc gia; bảo vệ chủ quyền quốc gia.

- Phục vụ phát triển công nghệ chiến lược sản phẩm công nghệ chiến lược; giải quyết những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến lợi ích quốc gia.

- Tạo ra tác động mạnh mẽ đến nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh quốc gia, trong đó ưu tiên phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực ưu tiên.

c) Về hồ sơ đề xuất Chương trình:

- Dự thảo chương trình (gồm các nội dung chủ yếu sau: Tên, mục tiêu, nội dung chương trình; Nội dung, yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá; Cơ quan chủ trì quản lý chương trình; Thời gian thực hiện chương trình; Dự kiến tổng kinh phí thực hiện, cơ cấu nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn đối ứng, xã hội hóa); Hợp tác quốc tế (nếu có); Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của chương trình).

- Bản thuyết minh chương trình bao gồm các nội dung chủ yếu sau: tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, chỉ tiêu đánh giá; tính khả thi; tính mới; khả năng thương mại hóa và tác động của chương trình.

- Tài liệu khác (nếu có).

Mẫu Dự thảo Chương trình (Biểu mẫu BM-07) và Mẫu Thuyết minh Chương trình (Biểu mẫu BM-08) tại Phụ lục kèm theo.

3. Về yêu cầu, tiêu chí, hồ sơ đề xuất Chương trình KH,CN và ĐMST cấp Bộ Công Thương

a) Căn cứ xây dựng Chương trình:

- Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế.

- Năng lực, điều kiện nguồn lực và khả năng huy động các nguồn lực xã hội để phê duyệt, triển khai các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi quản lý nhà nước của mình.

b) Yêu cầu đối với chương trình

- Có tính mới, có mục tiêu cụ thể, định lượng được kết quả đầu ra và hiệu quả đầu tư.

- Bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá.

c) Về hồ sơ đề xuất Chương trình:

- Dự thảo chương trình (gồm các nội dung chủ yếu sau: Tên, mục tiêu, nội dung chương trình; Nội dung, yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá; Cơ quan chủ trì quản lý chương trình; Thời gian thực hiện chương trình; Dự kiến tổng kinh phí thực hiện, cơ cấu nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn đối ứng, xã hội hóa); Hợp tác quốc tế (nếu có); Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của chương trình).

- Bản thuyết minh chương trình bao gồm các nội dung chủ yếu sau: tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, chỉ tiêu đánh giá; tính khả thi; tính mới; khả năng thương mại hóa và tác động của chương trình.

- Tài liệu khác (nếu có).

Mẫu Dự thảo Chương trình (Biểu mẫu BM-08) và Mẫu Thuyết minh Chương trình (Biểu mẫu BM-09) tại Phụ lục kèm theo.

VI. Thông tin về hành chính

1. Thời hạn nhận hồ sơ

Thời hạn nhận hồ sơ đề xuất là trước ngày 10 tháng 3 năm 2026 theo dấu đến của văn thư Bộ Công Thương (trường hợp gửi trực tiếp) hoặc ngày đóng dấu của bưu điện nơi gửi trên hồ sơ (trường hợp gửi qua bưu điện).

2. Nơi tiếp nhận hồ sơ

Các đơn vị gửi hồ sơ đề xuất về Bộ Công Thương (qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công), số 54 phố Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội; đồng thời gửi 01 bản điện tử (theo định dạng Microsoft Word) nội dung của hồ sơ đề xuất về địa chỉ thư điện tử: hangntd@moit.gov.vn và dieudx@moit.gov.vn.

Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ: Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công:

- Chuyên viên chính: Nguyễn Thị Diễm Hằng, điện thoại: 0912121401

- Chuyên viên chính: Dương Xuân Diêu, điện thoại: 0912215854

Bộ Công Thương thông báo, hướng dẫn xây dựng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bổ sung năm 2026 và thực hiện giai đoạn 2027-2030 của ngành Công Thương để các đơn vị được biết, tham gia và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quyền Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ĐCK, hangntd

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục 1

Nguyên tắc trong xây dựng Kế hoạch KH, CN & ĐMST

(Kèm theo Công văn số 719 /BCT-ĐCK ngày 02 tháng 02 năm 2026)

1. Bám sát định hướng, chiến lược, kế hoạch phát triển ngành Công Thương và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực do Bộ Công Thương quản lý; nhiệm vụ phục vụ công tác xây dựng chính sách, pháp luật, quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và nhiệm vụ tham gia thực hiện các chương trình, dự án, đề án KH&CN các cấp của Bộ Công Thương; nhiệm vụ triển khai các công nghệ chiến lược được Thủ tướng giao cho Bộ Công Thương; nhiệm vụ nhằm thực hiện các cam kết tại các văn bản hợp tác quốc tế song phương, đa phương có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Kết quả thực hiện của các nhiệm vụ đảm bảo có thể đo lường, định lượng được kết quả đầu ra và hiệu quả đầu tư; bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá. Ưu tiên triển khai đối với các nhiệm vụ sau:

- Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu chính sách: cung cấp luận cứ phục vụ việc xây dựng dự thảo chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch, quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, điều hành của Bộ hoặc kiến nghị, đề xuất cụ thể để xây dựng, hoàn thiện các văn bản trên.

- Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo: (1) các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược phục vụ phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên được làm chủ và ứng dụng, chuyển giao vào doanh nghiệp; (2) các công nghệ, giải pháp, nền tảng, mô hình phục vụ hoạt động chuyển đổi số của Bộ Công Thương và hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp trong ngành Công Thương; (3) các sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, công nghệ, mô hình kinh doanh hiện có và được ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh để tạo ra giá trị kinh tế gia tăng và hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường.

- Các nhiệm vụ khác: (1) các công cụ, cơ chế, phương thức, thông tin, dữ liệu, nền tảng mới, có hiệu quả phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Công Thương về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (2) các nhiệm vụ, hoạt động phổ biến tri thức, đào tạo, nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho các tổ chức, cá nhân trong ngành Công Thương.

3. Nhiệm vụ có hợp tác, liên kết giữa các Viện, Trường, tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ với các doanh nghiệp trong việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng, chuyển giao công nghệ; có sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp để đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp; nhiệm vụ theo cụm, theo chuỗi hoặc có quy mô lớn để giải quyết triệt để vấn đề KH&CN&ĐMST quan trọng, phức tạp đặt ra từ thực tiễn sản xuất;

4. Việc triển khai các nhiệm vụ, dự án đảm bảo góp phần tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực công nghệ cho các tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp, đặc biệt là năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Phụ lục 2

Định hướng nội dung ưu tiên

(Kèm theo Công văn số 719 /BCT-ĐCK ngày 02 tháng 2 năm 2026)

Các đơn vị trong và ngoài Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu thực tiễn quản lý ngành, lĩnh vực, chủ động nghiên cứu, xây dựng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bổ sung năm 2026 và thực hiện giai đoạn 2027 - 2030 đảm bảo ưu tiên sau đây:

1. Nhiệm vụ của Bộ Công Thương trong các Nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước, nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành Công Thương; Chiến lược, kế hoạch phát triển ngành Công Thương và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực do Bộ Công Thương quản lý:

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Ban Chấp hành Trung ương về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW.

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới và Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030 (được phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

- Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 01 tháng 5 năm 2022) và Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển ngành Công Thương đến năm 2030 (được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 2795/QĐ-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2023).

- Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2023) và Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Đề án.

- Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (được Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024) và Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Chiến lược.

- Chiến lược phát triển ngành Công nghiệp than Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (được Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2024); và Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Chiến lược.

- Chiến lược phát triển năng lượng hydrogen của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2024); và Kế hoạch hành động của ngành Công

Thương thực hiện Chiến lược.

- Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023).

- Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2023).

- Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 (được phê duyệt tại Quyết định số 726/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2022) và Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Chiến lược.

- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021).

- Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022).

- Chiến lược Quốc gia về Biến đổi Khí hậu đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022).

- Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2024) và Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh của ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 2756/QĐ-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2022).

- Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021) và Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Chiến lược.

- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021).

- Chương trình phát triển công nghiệp hoá được đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2025).

- Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (được phê duyệt tại Quyết định số 3035/QĐ-BCT ngày 17 tháng 10 năm 2025).